

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 7 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải Yến và ông Trần Tăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố V, xã V, tỉnh Ninh Bình); vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố V, xã V, tỉnh Ninh Bình). Hiện đang ở Hoa Kỳ không rõ địa chỉ; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Anh Nguyễn Quốc V và chị Bùi Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là xã B, tỉnh Ninh Bình) ngày 06 tháng 10 năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại tổ dân phố V, thị trấn V (nay là xã V, tỉnh Ninh Bình) đến đầu năm 2024, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau; đến tháng 6 năm 2024, chị Q bỏ đi sang Mỹ sinh sống từ đó cho đến nay không về. Nay anh Nguyễn Quốc V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đề nghị Toà án xem xét giải quyết được ly hôn.

Về con chung, vợ chồng có 02 con chung gồm: Cháu Nguyễn Quốc C, sinh ngày 09 tháng 09 năm 2005 và cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2009. Hiện tại cháu C đang sinh sống tự lập một mình tại Anh; cháu K đang sinh sống, học tập tại Mỹ và ở cùng với chị Nguyễn Thị H (cô họ cháu C). Nếu ly hôn, anh Nguyễn Quốc V đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Quốc K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Bùi Thị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác anh Nguyễn Quốc V không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với chị Bùi Thị Q hiện đang sinh sống, lao động tại Mỹ không rõ địa chỉ cụ thể; Toà án đã xác minh và giao trách nhiệm cho bà Đỗ Thị T (Mẹ đẻ chị Q) thông báo cho chị Q biết việc anh V đề nghị Toà án giải quyết ly hôn giữa anh V và chị Q; đồng thời, cung cấp địa chỉ cụ thể nơi ở của chị Q nhưng bà T không cung cấp địa chỉ nơi ở hoặc nơi làm việc tại Mỹ của chị Q cho Toà án, dẫn đến Toà án phải niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định. Đến nay, chị Q cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Toà án. Do vậy, Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Riêng cháu Nguyễn Quốc K đã gửi đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với anh Nguyễn Quốc V.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn cố tình không cung cấp địa chỉ nơi ở, cũng như nơi làm việc tại Mỹ và không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án; dẫn đến Toà án phải tiến hành niêm yết công khai tại nơi bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và tiến hành xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật. Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc V và chị Bùi Thị Q; về con chung: Cháu Nguyễn Quốc C trên 18 tuổi, hiện đang ở riêng và lao động tự lập; anh V không đề nghị nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Riêng cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2009 giao cho anh Nguyễn Quốc V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Quốc V phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà và nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, do chị Bùi Thị Q có tình giấu địa chỉ nơi ở và nơi làm việc tại Mỹ nên Toà án tiến hành niêm yết công khai các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật; tuy nhiên, chị Q vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung. Đối với anh Nguyễn Quốc V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc V về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con có yếu tố nước ngoài và trước khi Toà án thụ lý giải quyết vụ án thì chị Bùi Thị Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố V, xã V, tỉnh Ninh Bình) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam (nay là tỉnh Ninh Bình) theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, anh Nguyễn Quốc V và chị Bùi Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là xã B, tỉnh Ninh Bình) ngày 06 tháng 10 năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại tổ dân phố V, thị trấn V (nay là xã V, tỉnh Ninh Bình) đến đầu năm 2024, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau; dẫn đến tháng 6 năm 2024, chị Q bỏ sang Mỹ sinh sống cho đến nay. Anh Nguyễn Quốc V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đề nghị Toà án xem xét giải quyết được ly hôn. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc V và chị Bùi Thị Q là phù hợp pháp luật.

[4] Về con chung, vợ chồng có 02 con chung gồm: Cháu Nguyễn Quốc C, sinh ngày 09 tháng 09 năm 2005 hiện đang sinh sống tự lập một mình tại A. Xét cháu C đã trưởng thành và đang sinh sống tự lập tại Anh nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Đối với cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2009 hiện đang sinh sống, học tập tại Mỹ và đang ở cùng với chị Nguyễn Thị H (cô họ cháu C). Để bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên, cũng như theo nguyện vọng của cháu C, Hội đồng xét xử giao cháu C cho anh Nguyễn Quốc V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu C đủ 18 tuổi và

lao động tự lập được. Do anh Nguyễn Quốc V không yêu cầu chị Bùi Thị Q cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác anh Nguyễn Quốc V đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Quốc V phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Quốc V và chị Bùi Thị Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2009 cho anh Nguyễn Quốc V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và lao động tự lập được. Chị Bùi Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Quốc V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà anh V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002098 ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình) khi thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Toà phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng GDKTTT & THA Toà án tỉnh;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Vĩnh Trụ, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Bộ phận HCTP;
- Toà dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Đức Thủy